

Số: /BC-SKHCN

Quảng Ngãi, ngày tháng 7 năm 2025

BÁO CÁO
tình hình triển khai nhiệm vụ được giao về Đề án 06
trong 06 tháng đầu năm 2025

Thực hiện Công văn số 3929/CAT-QLHC(Đ1) ngày 27/6/2025 của Công an tỉnh về việc đề nghị báo cáo kết quả triển khai thực hiện Đề án 06/CP trong 06 tháng đầu năm 2025; căn cứ các nhiệm vụ được giao, Sở Khoa học và Công nghệ báo cáo một số nội dung có liên quan, như sau

I. KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH

1. Trong năm 2025, trên cơ sở các văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh, Tổ Công tác về thực hiện Đề án 06, Sở Khoa học và Công nghệ được giao tổng cộng 25 nhiệm vụ, trong đó:

- (1) Nhiệm vụ tồn từ năm 2022 chuyển sang: không có
- (2) Nhiệm vụ mới được giao năm 2025: 25 nhiệm vụ
- (3) Kết quả:
 - Tổng số nhiệm vụ đã hoàn thành: 14
 - Tổng số nhiệm vụ chưa hoàn thành: 0
 - Tổng số nhiệm vụ thực hiện thường xuyên: 08
 - Tổng số nhiệm vụ đang triển khai: 03

(Có Phụ lục 01 báo cáo cụ thể kèm theo)

2. Sở Khoa học và Công nghệ đánh giá các tiện ích, giá trị mang lại từ khi triển khai các nội dung liên quan của Sở theo Đề án 06 đến nay **tại Phụ lục 02 kèm theo.**

II. KẾT QUẢ CÁC MẶT CÔNG TÁC

1. Công tác tham mưu, chỉ đạo, triển khai, tuyên truyền

a. Đối với Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Ngãi

- Tham mưu UBND tỉnh Quảng Ngãi nan hành Quyết định số 505/QĐ-UBND ngày 02/4/2025 về Thành lập Ban Chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06; Quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 15/5/2025 của UBND tỉnh ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo của UBND tỉnh Quảng Ngãi về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06; Kế hoạch số 02/KH-BCĐ ngày 15/5/2025 của Ban Chỉ đạo về Kế hoạch hoạt động năm

2025 Ban Chỉ đạo của UBND tỉnh Quảng Ngãi về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06.

- Tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Kế hoạch số 223/KH-UBND ngày 15/11/2024 về Kế hoạch Chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi năm 2025; Quyết định số 1702/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 về Phê duyệt Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Quảng Ngãi, phiên bản 3.0, hướng tới Chính quyền số; Quyết định số 55/QĐ/UBND ngày 14/01/2025 về phê duyệt Kết quả xếp hạng Chuyển đổi số (DTI) các sở, ban ngành và các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi năm 2024; Kế hoạch số 51/KH-UBND ngày 07/3/2025 về Thực hiện Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ về ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Kế hoạch số 69/KH-UBND ngày 04/4/2025 về Thực hiện Chiến lược dữ liệu quốc gia đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Kế hoạch số 67/KH-UBND ngày 03/4/2025 về Triển khai thực hiện Đề án "Tuyên truyền, phổ biến, nâng cao chất lượng về cung cấp và sử dụng hiệu quả dịch vụ công trực tuyến năm 2025, định hướng đến năm 2030" trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Kế hoạch số 82/KH-UBND ngày 17/4/2025 về Truyền thông về cải cách hành chính và chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi năm 2025.

- Trên cơ sở Kế hoạch hành động số 359-KH/TU ngày 29/4/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; đã trình UBND dự thảo Quyết định ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết 71/2025/NQ-CP và Kế hoạch hành động số 359-KH/TU ngày 29/4/2025 của Tỉnh ủy.

- Để đảm bảo chính quyền địa phương mới sẵn sàng hoạt động ngay khi quyết định tổ chức đơn vị hành chính mới có hiệu lực Sở Khoa học và Công nghệ đã tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 130/KH-UBND ngày 11/6/2025 Triển khai các nhiệm vụ liên quan đến hệ thống thông tin dùng chung trọng điểm tỉnh Quảng Ngãi khi thực hiện sắp xếp các đơn vị hành chính theo mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp.

- Đã trình UBND tỉnh dự thảo Kế hoạch hành động triển khai thực hiện Kế hoạch số 02/KH-BCĐTW ngày 19/6/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số về thúc đẩy chuyển đổi số liên thông, đồng bộ, nhanh, hiệu quả đáp ứng yêu cầu sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị.

- Công tác truyền thông về chuyển đổi số trên các nền tảng số được quan tâm thực hiện định kỳ và đảm bảo tăng suất như: Trang thông tin điện tử của cơ quan thường xuyên cập nhật thông tin phục vụ người dân và doanh nghiệp; Phối hợp Đài phát thanh và Truyền hình tỉnh Quảng Ngãi đã có chuyên mục riêng về chuyển

đổi số tại địa chỉ: <https://quangngaitv.vn/chuyen-doi-so> và trên kênh phát thanh thực hiện phát sóng định kỳ 01 số/tuần tại; cập nhật hơn 42 tin, bài và video về chuyển đổi số trên Chuyên trang và Zalo Official Account Chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi.

Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Ngãi đã xây dựng 05 chuyên mục khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phát trên sóng phát thanh, 05 chuyên mục khoa học công nghệ phát trên sóng truyền hình, 05 chuyên mục trên báo Quảng Ngãi; Xuất bản 02 bản tin Khoa học và Công nghệ.

b. Đối với Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Kon Tum

Tham mưu Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum ban hành: Kế hoạch Triển khai Phong trào “Bình dân học vụ số”¹; Kế hoạch Phát động Phong trào thi đua “Tỉnh Kon Tum thi đua đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số”², Đề án chuyển đổi số tỉnh Kon Tum đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030³; Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Kon Tum phiên bản 3.0, hướng tới Chính quyền số⁴; Bộ tiêu chí và phương pháp đánh giá, xét công nhận mức độ chuyển đổi số cấp huyện và cấp xã trên địa bàn tỉnh Kon Tum (Phiên bản 1.0)⁵; Kế hoạch Chuyển đổi số tỉnh Kon Tum năm 2025⁶; Quyết định sửa đổi, bổ sung mã định danh điện tử của các cơ quan, đơn vị ban hành tại Quyết định số 945/QĐ-UBND ngày 15 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh⁷; triển khai giải pháp thúc đẩy hiệu quả cung cấp và sử dụng dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên địa bàn tỉnh Kon Tum năm 2025⁸; quy chế cập nhật, sử dụng và khai thác Hệ thống quản lý cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Kon Tum⁹; triển khai nhiệm vụ, giải pháp thúc đẩy hiệu quả cung cấp và sử dụng dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Kon Tum năm 2025¹⁰; Triển khai thực hiện đề án Tăng cường chuyển đổi số lĩnh vực công tác dân tộc trên địa bàn tỉnh Kon Tum đến năm 2030¹¹; triển khai thực hiện Nghị quyết 71/NQ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ và Chương trình số 95-CTr/TU ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng

¹ Kế hoạch số 01-KH/BCĐ ngày 27/06/2025 của Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số về triển khai Phong trào “Bình dân học vụ số” trên địa bàn tỉnh

² Kế hoạch số 2189/KH-UBND ngày 16/06/2025 của UBND tỉnh về Phát động Phong trào thi đua “Tỉnh Kon Tum thi đua đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số”

³ Quyết định số 29/QĐ-UBND ngày 15/01/2025

⁴ Quyết định số 44/QĐ-UBND ngày 20/01/2025

⁵ Quyết định số 121/QĐ-UBND ngày 10/03/2025

⁶ Kế hoạch số 4664/KH-UBND ngày 25/12/2024.

⁷ Quyết định số 114/QĐ-UBND ngày 07/03/2025

⁸ Văn bản số 65/UBND-TTHCC ngày 07/01/2025

⁹ Quyết định số 08/2025/QĐ-UBND ngày 03/02/2025.

¹⁰ Kế hoạch số 872/KH-UBND ngày 18/03/2025

¹¹ Kế hoạch số 1739/KH-UBND ngày 20 tháng 05 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum triển khai Quyết định số 1087/QĐ-TTg ngày 02 tháng 10 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Tăng cường chuyển đổi số lĩnh vực công tác dân tộc đến năm 2030” và Kế hoạch số 20/KH-UBND ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Ủy ban Dân tộc về thực hiện Quyết định số 1087/QĐ-TTg ngày 02 tháng 10 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ.

12 năm 2024 của Bộ Chính trị "về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia"¹².

2. Về cải cách thủ tục hành chính

- Đã hoàn thành việc nâng cấp, phát triển Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh đáp ứng việc kết nối, tích hợp Cổng Dịch vụ công quốc gia thành một cửa sổ tập trung, kết nối CSDLQG về dân cư, đảm bảo việc đăng nhập bằng tài khoản định danh điện tử cá nhân, tổ chức; kết nối, tích hợp với các HTTT của các bộ ngành theo đúng lộ trình triển khai; đáp ứng các yêu cầu số hóa, thực hiện TTHC không phụ thuộc địa giới hành chính và mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp.

- Đã thực hiện công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ có đủ điều kiện thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình.

- Triển khai các đơn vị, địa phương thực hiện rà soát hiện trạng và đề xuất việc sử dụng thiết bị, phần mềm khi thực hiện sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính cấp xã và xây dựng chính quyền địa phương 02 cấp (*Công văn số 1027/SKHCN-BCVT&CNTT ngày 21/5/2025*).

3. Về phát triển kinh tế - xã hội

- Toàn tỉnh có 6.900 doanh nghiệp, trong đó các doanh nghiệp trong khu kinh tế Dung Quất và các khu công nghiệp tỉnh là 220; mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp nhỏ và vừa là còn thấp. Trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi có 2.725 doanh nghiệp công nghệ số, trong đó: 1.602 doanh nghiệp có mã ngành kinh tế số ICT và 1.123 doanh nghiệp có mã ngành kinh tế số nền tảng đang hoạt động; Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử trên địa bàn tỉnh đạt hơn 81%, tuy nhiên tỷ lệ hợp đồng điện tử trên tổng số hợp đồng là chưa cao. Một số doanh nghiệp đã triển khai IoT ứng dụng trong sản xuất, kinh doanh; Một số DN lớn trên địa bàn KKT Dung Quất đã triển khai một số mô hình phục vụ sản xuất, thương mại; có 2 doanh nghiệp hoạt động trên lĩnh vực sản xuất bán dẫn.

- Đã triển khai các mô hình Chợ 4.0; Tuyến phố không dùng tiền mặt; Điểm chi trả không dùng tiền mặt,.. được triển khai tại các địa phương trong tỉnh. Hoạt động thanh toán bằng mã QR đã trở thành phổ biến trong sinh hoạt hằng ngày của người dân ở Quảng Ngãi.

4. Về phát triển công dân số

- Đã quan tâm bồi dưỡng kiến thức, chuyên môn về chuyển đổi số, công nghệ thông tin, an toàn thông tin, viễn thông cho cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh; hỗ trợ đào tạo, tập huấn cho đội ngũ cán bộ công nghệ thông tin, chuyển đổi số của tỉnh nắm bắt các công nghệ mới như AI, big data, ... từng bước đào tạo, bồi

¹² Kế hoạch số 1570/KH-UBND ngày 08 tháng 05 năm 2025

dưỡng hình thành lực lượng nòng cốt tham mưu cho các cơ quan, chính quyền các cấp về chuyển đổi số.

- Đã xây dựng, triển khai chương trình đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn, phổ cập và nâng cao kiến thức, kỹ năng số cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người dân, doanh nghiệp; triển khai phong trào “học tập số” giai đoạn 2025-2030. Hưởng ứng Lễ phát động phong trào và ra mắt nền tảng “Bình dân học vụ số” và Kế hoạch số 01-KH/BCĐTW ngày 21/3/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia về triển khai Phong trào “Bình dân học vụ số”, đến nay, Sở đã triển khai hướng dẫn đến toàn thể cán bộ, công chức, người dân.

- Đã tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch phát động và tổ chức Phong trào “Bình dân học vụ số” trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi năm 2025.

a. Đối với Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Ngãi

Tiếp tục triển khai nhiều chương trình đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, chuyên môn về chuyển đổi số, công nghệ thông tin, an toàn thông tin, viễn thông cho cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh, tập huấn về kỹ năng số cho người dân, đến nay đã có hơn 957.600 người dân trên địa bàn tỉnh đã tham gia ít nhất 01 lớp tập huấn về kỹ năng số

b. Đối với Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Kon Tum

- Đã phối hợp cung cấp thông tin về chuyển đổi số trên nhiều kênh: Chuyên mục “Chuyển đổi số” trên Báo Kon Tum (06 tin, bài), Đài PTTH tỉnh (12 tin, 04 bài viết về chuyển đổi số, thực hiện được 6 chuyên mục “Chuyển đổi số”), Cổng/Trang thông tin điện tử tỉnh (26 tin, bài), Chuyên trang về chuyển đổi số; hệ thống truyền thanh cơ sở... tạo điều kiện thuận tiện cho cán bộ công chức, người dân, doanh nghiệp tiếp cận thông tin, nắm bắt các nội dung về chuyển đổi số được kịp thời;

- Tiếp tục triển khai các khóa bồi dưỡng, tập huấn về chuyển đổi số trên Nền tảng học trực tuyến mở đại trà (MOOCs) trên địa bàn tỉnh Kon Tum¹³. Kết quả như sau: số lượng đăng ký 5.841 lượt học viên được cử tham gia các khóa bồi dưỡng, trong đó, có 3.965 lượt học viên hoàn thành các khóa bồi dưỡng.

-Toàn tỉnh thu nhận 645.618 hồ sơ cấp Căn cước công dân/Căn cước; tiếp nhận 567.348 thẻ Căn cước công dân/Căn cước do Cục Cảnh sát quản lý hành chính gửi về địa phương. Trong đó, công tác thu nhận hồ sơ đề nghị cấp Căn cước (từ ngày 01/7/2024 đến ngày 10/6/2025) đã thu nhận 177.915 hồ sơ; tiếp nhận thẻ do Cục Cảnh sát quản lý hành chính gửi về địa phương 125.860 thẻ Căn cước để trả cho người dân.

¹³ Theo văn bản số 169/BKHCN-CĐSQG ngày 18/03/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ về triển khai các khóa bồi dưỡng, tập huấn về chuyển đổi số trên Nền tảng học trực tuyến mở đại trà (MOOCs).

- Toàn tỉnh đã thu nhận 399.295 hồ sơ cấp định danh điện tử (97.086 hồ sơ mức 1; 302.209 hồ sơ mức 2), Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội duyệt 383.272 hồ sơ (91.076 hồ sơ mức 1; 292.196 hồ sơ mức 2), đã kích hoạt 291.522 tài khoản định danh điện tử (19.963 tài khoản định danh điện tử mức 1; 271.559 tài khoản định danh điện tử mức 2). Tỷ lệ kích hoạt trên tổng số hồ sơ được phê duyệt đạt 76,06% (tỷ lệ kích hoạt định danh điện tử mức 1 trên tổng số hồ sơ được phê duyệt đạt 21,92%; tỷ lệ kích hoạt định danh điện tử mức 2 trên tổng số hồ sơ được phê duyệt đạt 92,94%).

5. Về tạo lập dữ liệu dùng chung, xây dựng hạ tầng công nghệ thông tin

5.1. Về dữ liệu

- Các cơ quan, địa phương trên địa bàn tỉnh (từ tỉnh đến xã) sử dụng các Hệ thống dùng chung của tỉnh để quản lý, điều hành và xử lý công việc như: Cổng thông tin điện tử tỉnh, 100% cơ quan cấp sở, cấp huyện, cấp xã có Trang thông tin điện tử; Hệ thống quản lý văn bản và điều hành; Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh; Hệ thống thư điện tử công vụ,... Đã triển khai các Nền tảng số dùng chung như: Cổng dữ liệu mở; Tích hợp, chia sẻ dữ liệu tỉnh (LGSP); Tổng hợp, phân tích dữ liệu tập trung; Đánh giá và xếp hạng chuyển đổi số các cơ quan nhà nước; Phòng chống mã độc tập trung; Trợ lý ảo lĩnh vực thông tin và truyền thông; Trợ lý ảo phục vụ người dân và doanh nghiệp; Hộp trực tuyến; Kho số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC; CSDL cấp huyện; App Công chức, App Công dân;..

- Triển khai các cơ sở dữ liệu quốc gia tại địa phương: Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh đã thực hiện kết nối, tích hợp dữ liệu với các Cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin do Trung ương và các bộ, ngành triển khai như: Cổng Dịch vụ công quốc gia (Văn phòng Chính phủ); Cơ sở dữ liệu đất đai VBDLIS (Bộ Tài nguyên và Môi trường); Hệ thống cấp mã số ngân sách (Bộ Tài chính); Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm (Bảo hiểm xã hội); Các cơ sở dữ liệu về Lý lịch Tư pháp và Hộ tịch (Bộ Tư pháp); Hệ thống Đăng ký doanh nghiệp (Bộ Kế hoạch và Đầu tư); Hệ thống VNPOST (Bưu điện Việt Nam); CSDL Quốc gia về Dân cư và Dịch vụ công liên thông (Bộ Công an); Hệ thống Đăng ký, giải quyết chính sách trợ giúp xã hội trực tuyến (Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội);... để tiếp nhận, giải quyết các TTHC, đồng thời khai thác dữ liệu có sẵn trong các hệ thống của các bộ ngành nhằm hạn chế việc khai báo, cung cấp lại các thông tin.

- Đối với Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Ngãi

+ Đã số hóa 100% nhu cầu của cơ quan cấp sở về số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính còn hiệu lực; Hoàn thành số hóa dữ liệu hộ tịch đúng thời hạn theo yêu cầu của Chính phủ; Cập nhật thông tin người lao động vào hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư được 674.242/708.475 người trong độ tuổi lao động, đạt 95,17%.

+ Các cơ quan, đơn vị đã ban hành các quy trình nghiệp vụ đáp ứng trên môi

trường số bảo đảm việc phân cấp, ủy quyền, tái sử dụng thông tin, dữ liệu; tập trung số hóa hồ sơ, tài liệu phục vụ việc triển khai trên môi trường số, trong đó ưu tiên tập trung phân loại, chỉnh lý, số hóa hồ sơ, tài liệu cấp huyện để bàn giao trước khi tổ chức, bộ máy mới đi vào hoạt động.- Các cơ quan, đơn vị triển khai các Nền tảng số, ứng dụng số dùng chung theo lộ trình và hướng dẫn của các bộ ngành, trung ương; tổ chức khai thác, sử dụng hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu dùng chung và các phần mềm nghiệp vụ cả tỉnh đúng quy định, hiệu quả.

+ Thực hiện nghiêm việc gửi nhận văn bản có ký số; ứng dụng chữ ký số chuyên dùng công vụ trong phát hành văn bản điện tử.

+ Về Hệ thống IOC: hiện nay tỉnh Quảng Ngãi vẫn đang sử dụng thử nghiệm, chưa đưa vào vận hành chính thức, do đó chưa thống nhất được phương án vận hành, các thông tin, dữ liệu cần thiết cung cấp trên IOC. Một số phân hệ chưa đảm bảo về dữ liệu (**đảm bảo dữ liệu được cập nhật đúng, đủ, sạch, sống**), nguồn dữ liệu của tỉnh ít nên khả năng phân tích, đưa ra các dự báo của hệ thống IOC tin còn ché.

b. Đối với Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Kon Tum

- Tiếp tục duy trì và phát huy hiệu quả hệ thống phần mềm dùng chung bảo đảm tập trung, thông suốt, đáp ứng yêu cầu điều hành của chính quyền các cấp trên môi trường số tại Công văn số 65/UBND-TTHCC ngày 07 tháng 01 năm 2025¹⁴.

- Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh phục vụ việc thu thập, tích hợp, chuẩn hóa và chia sẻ dữ liệu để các cơ quan khai thác, sử dụng.

- Các cơ sở dữ liệu quốc gia trên địa bàn tỉnh được tích cực triển khai¹⁵; Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh đã cập nhật 47¹⁶ bộ dữ liệu của 21 cơ quan, đơn vị cung cấp Dữ liệu mở phục vụ người dân và doanh nghiệp thông qua Cổng dữ liệu mở của tỉnh địa chỉ tại địa chỉ <http://dulieu.kontum.gov.vn>¹⁷.

¹⁴ (1) Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành triển khai đến các cơ quan hành chính cấp tỉnh, huyện, xã và thực hiện kết nối với Chính phủ và các bộ, ngành; (2) hệ thống thông tin báo cáo tỉnh đã kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ (3) Hệ thống giao ban trực tuyến của tỉnh đảm bảo kết nối với hệ thống hội nghị truyền của Trung ương và địa phương phục vụ các cuộc họp trực tuyến của tỉnh cũng như của Trung ương với tỉnh. (4) Hệ thống phần mềm theo dõi chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao của các đơn vị địa phương; (5) Cổng thông tin điện tử tỉnh duy trì hoạt động ổn định, an toàn thông tin và thực hiện cung cấp thông tin theo đúng quy định tại Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ; (6) hệ thống thư điện tử công vụ của tỉnh; (7) trực kết nối chia sẻ dữ liệu tỉnh (LGSP) kết nối chia sẻ đến 18/24 các CSDLQG/HTTT từ Trung ương đến địa phương thông qua Nền tảng NDXP.

¹⁵ CSDL quốc gia về dân cư (thu nhận 22.285 hồ sơ Căn cước, 18.351 hồ sơ tài khoản Định danh điện tử. Thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính đối với 1.614 tài khoản).

¹⁶ Cơ sở hạ tầng (05); Giáo dục và Đào tạo (06); Khoa học và Công nghệ (06); Lao động - Xã hội (05); Năng lượng (06); Nông - Lâm - Ngư nghiệp (03); Tài chính - Doanh nghiệp (03); Tài nguyên - Môi trường (06); Thương mại - Dịch vụ (02); Văn hóa - Thể thao - Du lịch (03); Y tế - sức khỏe (01 bộ dữ liệu).

¹⁷ Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh (2); Sở Tài nguyên và Môi trường (13); Sở Tài chính (9); Sở Giáo dục và Đào tạo (7); Sở Khoa học và Công nghệ (6); Sở Giao thông - Vận tải (5); Sở Lao động- Thương binh và Xã hội (5); Sở Xây dựng (4); Sở Công thương (3); Sở Kế hoạch và Đầu tư (3); Sở Ngoại vụ (2); Sở Nông nghiệp và Phát

- Số hoá dữ liệu hộ tịch: đã hoàn thành việc số hoá dữ liệu hộ tịch trên địa bàn tỉnh; hoàn thành đầy 583.827 dữ liệu từ hệ thống phần mềm hộ tịch 158 vào sơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử chính thức, chuyển dữ liệu hộ tịch sang cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để đồng bộ, làm sạch đưa vào sử dụng chung theo quy định¹⁸.

- Chỉ tiêu theo Nghị quyết số 01/NQ-CP, Nghị quyết số 02/NQ-CP (về *những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia*) đạt khoảng 70% chỉ tiêu Nghị quyết số 01/NQ-CP, Nghị quyết số 02/NQ-CP (lĩnh vực cải cách TTHC và văn bản điện tử).

5.2. Về hạ tầng công nghệ thông tin

- Mạng bưu chính: Toàn tỉnh có 21 doanh nghiệp hoạt động bưu chính, với 240 điểm phục vụ; trong đó: có 159 điểm Bưu điện-Văn hóa xã, 76 bưu cục, 5 loại hình khác. Tổng số lao động 1.421 người. Dịch vụ bưu chính KT1 đạt 127.330 bưu gửi. Doanh thu dịch vụ bưu chính năm 2024: 255 tỷ đồng. Hoạt động lĩnh vực bưu chính tuân thủ quy định của pháp luật, đảm bảo an toàn, an ninh, không xảy ra tình trạng hư hỏng, thất thoát...

- Cơ sở hạ tầng viễn thông:

+ Quảng Ngãi có 05 mạng thông tin di động (Vinaphone, MobiFone, Viettel, Vietnam Mobile, Gtel) với hơn 1.780 vị trí trạm BTS; mạng cáp quang đã phủ đến 100% cấp xã và 97% cấp thôn; thực hiện đúng lộ trình tắt sóng 2G của Bộ Thông tin và Truyền thông từ ngày 16/10/2024; đảm bảo 100% thôn, bản trên địa bàn tỉnh có sóng di động 3G, 4G trên toàn tỉnh; đã khắc phục toàn bộ 10/10 thôn, bản lõm sóng, mạng 5G đã triển khai thương mại tại các khu đô thị dọc quốc lộ 1A, các khu công nghiệp, cụm công nghiệp với 58 trạm BTS; Số thuê bao điện thoại đạt 1.293.000 thuê bao, tỷ lệ thuê bao điện thoại/100 dân đạt 102%; số thuê bao internet đạt 1.253.560; 73% tỷ lệ hộ gia đình sử dụng cáp quang; tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh đạt 83%;

- Mạng số liệu chuyên dùng triển khai đến 100% cơ quan nhà nước tỉnh.

- Hàng năm, các doanh nghiệp viễn thông chính trang khoảng 40km cáp; tỷ lệ ngầm hóa đạt 20%.

- Mạng lưới truyền thanh cơ sở được phủ sóng khắp thôn/bản trên địa bàn tỉnh, được từng bước hiện đại hóa áp dụng công nghệ viễn thông – CNTT. Mạng lưới IoT tiếp tục được phát triển doanh nghiệp, đặc biệt hệ thống quan trắc môi trường, hệ thống cảnh báo lũ, hệ thống camera ngành công an phục vụ công tác theo dõi an ninh trật tự và an toàn giao thông tại các vị trí trọng yếu.

- Đã đầu tư xây dựng Trung tâm dữ liệu tỉnh, với tổng dung lượng lưu trữ là 170 TB, triển khai 24 hệ thống thông tin (HTTT), cơ sở dữ liệu (CSDL) của các

triển nông thôn (2); Sở Nội vụ (2); Sở Thông tin và Truyền thông (2); Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch (2); Sở Tư pháp (1); Sở Y tế (1); Thanh tra tỉnh (1); Ban Dân tộc (2); Ban QL Khu kinh tế (1); Huyện IaH'rai (1)).

¹⁸ Hiện tại còn 15.326 dữ liệu không thể thực hiện số hóa vì không rõ thông tin hoặc trùng thông tin đã đăng ký.

cơ quan nhà nước tỉnh. Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh đảm bảo khả năng lưu trữ và kết nối dữ liệu từ các CSDL, HTTT của tỉnh.

- Triển khai phủ sóng di động 4G trên toàn tỉnh; triển khai mở rộng vùng phủ sóng 5G nhằm giúp kiên cố hạ tầng mạng lưới, phòng chống thiên tai và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Quảng Ngãi. Phối hợp triển khai khi có yêu cầu nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin của các cơ quan nhà nước theo hướng đồng bộ, hiện đại, đảm bảo an toàn thông tin mạng. Mạng lưới IoT tiếp tục được phát triển, đặc biệt hệ thống quan trắc môi trường, hệ thống cảnh báo lũ, hệ thống camera ngành công an phục vụ công tác theo dõi an ninh trật tự và an toàn giao thông tại các vị trí trọng yếu.

- Đã hoàn thành nâng cấp, hoàn thiện hạ tầng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu tại văn bản số 1552/BTTTT-TTH và 708/BTTTT-CATTT; hoàn thành kết nối giữa Hệ thống thông tin giải quyết TTHC cấp bộ, cấp tỉnh với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư phục vụ giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công theo Nghị định số 107/2021/NĐ-CP của Chính phủ.

- Đã xây dựng và đưa vào hoạt động Hệ thống phần mềm quản lý tài liệu lưu trữ điện tử tại CQNN các cấp và Trung tâm lưu trữ lịch sử tỉnh Quảng Ngãi và Hệ thống và Kho dữ liệu số và số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính còn hiệu lực tại Trung tâm Phục vụ - Kiểm soát thủ tục hành chính tỉnh để phục vụ số hóa hồ sơ, tài liệu, ưu tiên số hóa hồ sơ, tài liệu của các đơn vị thuộc diện giải thể, sáp nhập.

5.3. Về an toàn an ninh thông tin mạng

Thường xuyên rà soát, định kỳ rà quét an toàn an ninh thông tin hệ thống thông tin thuộc Sở Khoa học và Công nghệ. Thời gian qua, chưa có sự cố nào về an toàn an ninh thông tin.

6. Phát triển Chính quyền số

- Chế độ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh được kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu số trên Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ (*đã chuẩn hóa, số hóa lên Hệ thống với 109 biểu mẫu báo cáo, gồm: 15 biểu mẫu báo cáo về các chỉ tiêu KTXH theo Nghị quyết của Hội đồng(tháng, 03 tháng, 06 tháng, 09 tháng, năm); 01 biểu mẫu về 08 KTXH đồng bộ tự động trên Hệ thống thông tin báo cáo Quốc gia theo yêu cầu của Văn phòng Chính phủ (tháng, quý, năm,...).*

- Trong 6 tháng đầu năm 2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum (*15 tháng 12 năm 2024 đến 10 tháng 6 năm 2025*), các đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh tiếp tục đẩy mạnh thực hiện việc số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC kết quả cụ thể như sau:

- + Cấp tỉnh đã thực hiện số hóa thành phần hồ sơ 35.162/ 39.181 hồ sơ (*đạt*

tỷ lệ 89,74%); số hóa kết quả 29.615/ 35.973 hồ sơ (đạt tỷ lệ 82,33%);

+ Cấp huyện đã thực hiện số hóa thành phần hồ sơ 11.695/ 11.876 hồ sơ (đạt 98,47%), số hóa kết quả 8309 /9881 hồ sơ (đạt 84,09%);

+ Cấp xã đã thực hiện số hóa thành phần hồ sơ 36.190/ 40.569 hồ sơ (đạt 89,2%), số hóa kết quả 37.774/ 40.584 hồ sơ (đạt 93,08%). Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, sử liệu số hóa đã được cải thiện so với năm 2024 (đạt 22,93%).

- Số lượng hồ sơ trực tuyến: các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh đã tiếp nhận 103.938 hồ sơ thông qua Hệ thống thông tin giải quyết TTHC, trong đó, 32.842 hồ sơ trực tuyến, chưa bao gồm số liệu hồ sơ trực tuyến các sở, ngành tiếp nhận trên Hệ thống phần mềm của bộ, ngành (đạt tỷ lệ 31,59%). Trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia đang ghi nhận tỷ lệ hồ sơ trực tuyến của tỉnh là 43,4%.

+ **Đối với 25 dịch vụ công thiết yếu theo Quyết định số 06/QĐ-TTg:** trong 06 tháng đầu năm 2025, toàn tỉnh tiếp nhận 76.125 hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính, trong đó 66.549 hồ sơ tiếp nhận trực tuyến, đạt tỷ lệ 87,42% (giảm 10.287 tổng số hồ sơ tiếp nhận, tăng 4.101 hồ sơ trực tuyến, tỷ lệ trực tuyến tăng 4,07% so với cùng kỳ năm 2024).

+ **Đối với 28 dịch vụ công thiết yếu theo Quyết định số 422/QĐ-TTg:** trong 06 tháng đầu năm 2025, toàn tỉnh tiếp nhận 17.746 hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính, trong đó 8.570 hồ sơ tiếp nhận trực tuyến, đạt tỷ lệ 48,29% (giảm 256 tổng số hồ sơ tiếp nhận, giảm 483 hồ sơ tiếp nhận trực tiếp, tỷ lệ trực tuyến giảm 2% so với cùng kỳ năm 2024).

+ Tỷ lệ hồ sơ nộp trực tuyến của tỉnh đạt 44,4% (cả nước đạt 58,4%); Tỷ lệ hồ sơ nộp trực tiếp và theo hình thức khác của tỉnh đạt 55,6% (cả nước đạt 41,6%).

7. Về nguồn lực triển khai

7.1. Về kinh phí

Đã tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định số 340/QĐ-UBND ngày 27/5/2025 về việc phân khai kinh phí cho các cơ quan, đơn vị để thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số năm 2025 (đợt 1) với tổng kinh phí khoảng 76,3 tỷ đồng.

7.2. Về nguồn nhân lực

- Đã tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch phát động và tổ chức Phong trào "Bình dân học vụ số" trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi năm 2025¹⁹.

- Đến nay, có 100% cán bộ, công chức cấp tỉnh được bồi dưỡng kỹ năng số cơ bản; 80% cán bộ, công chức, viên chức làm chủ kỹ năng số, ứng dụng công nghệ trong quản lý, điều hành. Cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh được tham gia ít nhất 01 lớp bồi dưỡng, tập huấn về chuyển đổi số (bao gồm trực tiếp và trực tuyến).

¹⁹ Kế hoạch số 125/KH-UBND phát động và Tổ chức Phong trào "Bình dân học vụ số" trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi năm 2025

- Kết quả triển khai phổ cập kỹ năng số cho Tổ công nghệ số cộng đồng và người dân tại các địa phương: Tổng số thành viên Tổ công nghệ số cộng đồng được tập huấn về chuyển đổi số, kỹ năng số: khoảng 7000 người; Tổng số người dân được hướng dẫn kỹ năng số thông qua Tổ công nghệ số cộng đồng: Với tinh thần đi từ ngõ, gõ từng nhà để tuyên truyền, hướng dẫn người dân về chuyển đổi số, kỹ năng số; 1.141 Tổ công nghệ số cộng đồng các cấp trên địa bàn tỉnh với hơn 7.000 thành viên đã triển khai nhiều mô hình, giải pháp và chiến dịch mang lại hiệu quả, qua đó đã hướng dẫn kỹ năng số cho hơn 353.000 người dân trên địa bàn tỉnh.

- Thời gian đến, tiếp tục triển khai nhiều chương trình đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, chuyên môn về chuyển đổi số, công nghệ thông tin, an toàn thông tin, viễn thông cho cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh, tập huấn về kỹ năng số cho người dân, đến nay đã có hơn 957.600 người dân trên địa bàn tỉnh đã tham gia ít nhất 01 lớp tập huấn về kỹ năng số.

8. Về triển khai các mô hình điểm của Đề án 06

Báo cáo các mô hình liên quan được giao thực hiện *tại Phụ lục số 03 kèm theo.*

9. Các Bộ, ngành địa phương báo cáo tiến độ triển khai các nhiệm vụ của Nghị quyết số 175/NQ-CP ngày 30/10/2023

Đã phối hợp cung cấp thông tin khảo sát phục vụ triển khai dự án "Công nghệ thông tin cho Trung tâm dữ liệu quốc gia số 1" tại Công văn số 1441/SKHCN-BCVT&CNTT ngày 18/6/2025.

III. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ

1. Ưu điểm, thuận lợi

- UBND tỉnh, Tổ công tác Đề án 06 của tỉnh đã triển khai Đề án rất quyết liệt, chỉ đạo kịp thời.

- Lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ đã tập trung chỉ đạo triển khai thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ công tác theo Đề án 06 với quyết tâm cao, gắn với công tác chuyển đổi số, cải cách hành chính.

- Sở Khoa học và Công nghệ nỗ lực, phối hợp tốt Văn phòng UBND tỉnh, các sở ban ngành; chủ động trao đổi để kịp thời giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

- Các TTHC đều được thực hiện trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh, tiến độ giải quyết được công khai, minh bạch, đánh giá được trách nhiệm của từng cá nhân, dễ dàng cho việc thống kê, báo cáo.

2. Tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc

- Hệ thống các phần mềm của bộ ngành đôi lúc bị quá tải, khó khăn khi kết nối, đồng bộ dữ liệu trong khi các chỉ đạo của Trung ương thì gấp, khẩn.

- Tỷ lệ tái sử dụng lại dữ liệu số hóa trong giải quyết hồ sơ TTHC còn thấp, chưa đạt chỉ tiêu Trung ương giao.

- Thanh toán trực tuyến không dùng tiền mặt trong khám bệnh, chữa bệnh; Ứng dụng thẻ Căn cước công dân gắn chip, ứng dụng VneID thay thế thẻ BHYT trong khám bệnh, chữa bệnh còn nhiều khó khăn.

- Cơ sở dữ liệu các ngành còn phân tán, việc kết nối, chia sẻ còn gặp nhiều khó khăn.

3. Nguyên nhân

- Người đứng đầu một số địa phương, đơn vị cơ sở chưa thật sự quan tâm, chỉ đạo thực hiện quyết liệt các nhiệm vụ, giải pháp chuyển đổi số và các chỉ tiêu về cung cấp dịch vụ công trực tuyến của địa phương, đơn vị mình; chưa thường xuyên quán triệt, chỉ đạo thực hiện nghiêm việc số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính; chưa quan tâm kiểm tra, đôn đốc công chức, viên chức hoàn thành các khóa bồi dưỡng trực tuyến về chuyển đổi số.

- Cơ sở vật chất, trang thiết bị tại Bộ phận Một cửa, nhất là đối với cấp xã hiện nay vẫn còn thiếu, xuống cấp đã ảnh hưởng đến tiến độ, hiệu suất tiếp nhận, số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết hồ sơ TTHC.

- Việc triển khai số hóa chưa hình thành được cơ sở dữ liệu lớn, nhiều TTHC có thành phần hồ sơ không thể tái sử dụng; người dân chưa biết khai thác dữ liệu từ Kho dữ liệu cá nhân để nộp hồ sơ trực tuyến.

- Phần lớn phụ huynh học sinh điều kiện kinh tế còn khó khăn, số người sử dụng điện thoại thông minh và tài khoản ngân hàng rất ít, địa bàn cách xa với các điểm giao dịch của ngân hàng nên việc tiếp cận được với hình thức thanh toán qua ứng dụng hoặc qua ngân hàng trung gian còn hạn chế. Công tác tổng hợp, đối chiếu, việc thanh toán giữa cơ sở giáo dục và ngân hàng chưa được thông nhất vì các vấn đề liên quan đến kỹ thuật.

- Người dân chưa có thói quen sử dụng bằng thẻ, thói quen sử dụng tiền mặt là chủ yếu. Đa số người dân đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn không có thẻ, tài khoản ngân hàng, một bộ phận không sử dụng điện thoại thông minh; một số người dân đi khám bệnh không mang theo căn cước công dân hoặc căn cước công dân chưa tích hợp thông tin BHYT, người dân đi khám bệnh đa số chưa cài đặt sử dụng ứng dụng VNeID; các đơn vị khác gặp khó khăn về kinh phí đầu tư mua máy quét mã cho các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

- Việc cập nhật, làm sạch dữ liệu hồ sơ sức khỏe của người dân còn chậm. Nhiều Sở sức khỏe điện tử của người dân vẫn không hiển thị lịch sử khám chữa bệnh. Chưa triển khai được việc đào tạo, tập huấn cho các phòng khám đa khoa, chuyên khoa tư nhân không khám chữa bệnh bằng BHYT thực hiện đăng ký cấp mã và đẩy dữ liệu khám chữa bệnh lên Cổng Giám định BHYT do chưa có hướng dẫn cụ thể từ Bộ Y tế và Bảo hiểm xã hội Việt Nam. Vẫn chưa có cơ chế chia sẻ dữ liệu trên ứng dụng Hồ sơ sức khỏe điện tử cho Sở Y tế để theo dõi, quản lý và đôn đốc thực hiện.

- Điều kiện kinh tế - xã hội của một số địa phương còn khó khăn; địa hình chia cắt, phức tạp; hầu hết các xã vùng sâu, vùng xa không có cây ATM... Nhóm

đối tượng người khuyết tật, người khuyết tật tâm thần, người cao tuổi, trẻ em,... không dùng tài khoản ngân hàng.

4. Bài học kinh nghiệm

- Lãnh đạo, người đứng đầu các cấp, các ngành có quyết tâm chính trị, nhận thức và xác định đúng tầm quan trọng, tính cấp bách của Đề án 06

- Sự phối hợp chặt chẽ giữa các sở, ngành, cơ quan, đơn vị, địa phương trong giải quyết các vấn đề về kỹ thuật và nghiệp vụ để tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện. Các bộ, ngành cùng chung tay xây dựng, hoàn thành các nhiệm vụ được giao; hướng tới mục tiêu phục vụ nhân dân và các cơ quan, doanh nghiệp.

- Sở, ngành phải chủ động triển khai các nhiệm vụ đặt ra theo phân công của Đề án và hướng dẫn từ cơ quan thường trực Đề án. Sẵn sàng trong công cuộc chuyển đổi số quốc gia, tiếp cận và triển khai các tiện ích giúp người dân, doanh nghiệp, thúc đẩy phát triển kinh tế, chính trị, xã hội của địa phương mình.

- Quán triệt tinh thần tiết kiệm, tránh việc đầu tư trùng lặp, lãng phí. Việc số hóa cần đánh giá một cách cụ thể, tận dụng dữ liệu sẵn có để áp dụng ngay phương thức số hóa cho phù hợp, không đầu tư tạo thành nhiều kho dữ liệu trùng lặp thông tin gây tổn kém cho ngân sách nhà nước.

- Việc đảm bảo an ninh an toàn, bảo mật dữ liệu, hạ tầng, công nghệ thông tin cần phải đặc biệt quan tâm, chú trọng.

- Quan tâm đầu tư trang thiết bị, nguồn kinh phí phục vụ thực hiện Đề án 06; thực hiện tốt công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; đặc biệt là nhân lực có trình độ về công nghệ thông tin để bố trí, sắp xếp, bảo đảm nguồn nhân lực thực hiện các nhiệm vụ Đề án 06.

IV. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM 6 THÁNG CUỐI NĂM 2025

1. Thực hiện công tác tuyên truyền thường xuyên, sâu rộng nội dung Nghị quyết số 57-NQ/TW, các Chương trình, Kế hoạch, văn bản chỉ đạo của Trung ương, của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, UBND tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; đẩy mạnh truyền thông về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên các phương tiện thông tin đại chúng.

2. Tiếp tục triển khai các Chương trình, Kế hoạch của Ban Chỉ đạo 57 TW: Chương trình công tác năm 2025 của Ban Chỉ đạo 57 TW (Công văn số 01-CTr/BCĐTW ngày 28/02/2025); số 01-KH/BCĐTW ngày 21/3/2025 về phong trào “bình dân học vụ số”; số 01-KH/BCĐTW ngày 02/6/2025 về hành động chiến lược triển khai Nghị quyết 57-NQ/BCT²⁰; số 02-KH/BCĐTW ngày 19/6/2025 về chuyển đổi hệ thống thông tin đáp ứng yêu cầu sắp xếp tổ chức bộ máy; các Chương trình, Kế hoạch của Ban Chỉ đạo 57 UBND tỉnh, Kế hoạch số 02/KH-BCĐ ngày 15/5/2025, Quyết định số 327/QĐ-UBND ngày 26/5/2025 về thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 và Kế hoạch hành động số 359-KH/TU

²⁰ Kế hoạch số 1570/KH-UBND ngày 08 tháng 05 năm 2025 của UBND tỉnh Kon Tum

ngày 29/4/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; các nhiệm vụ của Đề án 06: Kế hoạch số 16/KH-UBND ngày 22/01/2025; Kế hoạch số 78/KH-UBND ngày 11/4/2025 thực hiện Chỉ thị số 07/CT-TTg ngày 14/3/2025;

3. Tiếp tục rà soát tham mưu UBND tỉnh về công bố Danh mục các bài toán lớn về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh năm 2025;

4. Tham mưu UBND tỉnh về ban hành danh mục công nghệ chiến lược và sản phẩm công nghệ chiến lược để các cơ quan, địa phương theo dõi, tham mưu các nhiệm vụ có liên quan theo quy định²¹.

5. Tiếp tục phối hợp và triển khai dự thảo Quyết định ban hành mã định danh điện tử cho các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh²².

6. Thực hiện việc đổi mới toàn diện việc giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công không phụ thuộc địa giới hành chính; cắt giảm, đơn giản hóa tối đa các thủ tục hành chính; nâng cao chất lượng dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ số cho người dân và doanh nghiệp, hướng tới cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, cá nhân hoá và dựa trên dữ liệu; tăng cường giám sát, đánh giá và trách nhiệm giải trình của cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền trong phục vụ Nhân dân.

7. Xây dựng và triển khai thực hiện Đề án đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ chuyển đổi số của cơ quan nhà nước, người đứng đầu và cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan nhà nước.

8. Triển khai Lễ Phát động và Tổ chức Phong trào “Bình dân học vụ số” trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Triển khai Khung kỹ năng số, kèm theo hướng dẫn đánh giá, xác nhận đạt trình độ phổ cập kỹ năng số cho bốn nhóm đối tượng: (1) Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các cơ quan nhà nước; (2) Học sinh, sinh viên; (3) Người lao động trong các doanh nghiệp; (4) Người dân (*theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ*).

9. Tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn để cập nhật, nâng cao trình độ về chuyển đổi số, kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động, phù hợp với tiến trình chuyển đổi số của cơ quan, đơn vị.

10. Triển khai các nhiệm vụ trọng tâm cụ thể như: (1) Đề án đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ chuyển đổi số của cơ quan nhà nước, người đứng đầu và cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan nhà nước; (2) Chương trình phát triển Chính quyền số và Chương trình phát triển kinh tế số, xã hội số giai đoạn 2026 - 2030 theo đúng chủ trương của Nghị quyết số 57-NQ/TW; (3) Đẩy mạnh phủ sóng 5G trên địa bàn toàn tỉnh, phấn đấu đạt 50% số lượng trạm phát sóng 4G

²¹ Theo Quyết định số 1131/QĐ-TTg ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục công nghệ chiến lược và sản phẩm công nghệ chiến lược để các cơ quan, địa phương theo dõi, tham mưu các nhiệm vụ có liên quan theo quy định.

²² Theo Quyết định số 20/2020/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về Mã định danh điện tử của các cơ quan, tổ chức phục vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu với các bộ, ngành, địa phương; Văn bản số 1447/BKHCN-CĐSQG ngày 10 tháng 5 năm 2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ về điều chỉnh mã định danh điện tử của cơ quan nhà nước khi sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp xã theo phương án tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp.

hiện nay; (4) Tổ chức Tuần lễ Đổi mới sáng tạo và Chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi năm 2025; (5) Kế hoạch thực hiện Đề án chuyển đổi số cho các doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh; (6) Phát triển hạ tầng số, trang thiết bị, tài nguyên số, hệ thống thông tin, ứng dụng, nền tảng số,... (7) cơ chế chính sách khuyến khích, thu hút nhân tài; tạo môi trường thuận lợi về thủ tục hành chính, pháp lý để tổ chức, cá nhân yên tâm tham gia đầu tư, nghiên cứu, ứng dụng công nghệ; (8) cắt giảm, đơn giản hóa tối đa các thủ tục hành chính; nâng cao chất lượng dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ số cho người dân và doanh nghiệp, hướng tới cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình; (9) Hoàn thành số hóa hồ sơ dữ liệu đất đai; khai thác dữ liệu hộ tịch; số hóa dữ liệu học sinh; số hóa hồ sơ lưu trữ và quản lý tài liệu, cơ sở dữ liệu tài liệu trong quá trình sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; Triển khai định danh địa điểm, đánh số nhà theo Thông tư số 08/2024/TT-BXD ngày 30/8/2024; (10) Sở sức khỏe điện tử, hồ sơ SKĐT, hồ sơ bệnh án điện tử tại các bệnh viện, mô hình Khám chữa bệnh sử dụng sinh trắc học, KIOSK tự phục vụ”, hệ thống khám chữa bệnh điện tử, hệ thống CSDL ngành Y tế để kết nối với Trung tâm điều phối dữ liệu y tế quốc gia; (11) Thiết lập Hệ thống Thông tin chỉ đạo, điều hành dựa trên dữ liệu của UBND tỉnh Quảng Ngãi; Mô hình Trung tâm điều hành thông minh.

11. Tổ chức kiểm tra liên ngành tại một số địa phương, đơn vị trọng điểm về công tác lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện nhiệm vụ phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06.

Trên đây là báo cáo kết quả triển khai Đề án 06 của Sở Khoa học và Công nghệ, đề nghị Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Công an tỉnh;
- Sở KH&CN: GĐ, các PGĐ;
- Lưu: VT; P.BCVT&CĐS.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Tấn Liêm

PHỤ LỤC

Báo cáo kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch số 16/KH-UBND; Kế hoạch số 78/KH-UBND của UBND tỉnh Quảng Ngãi và Kế hoạch số 4664/KH-UBND; Kế hoạch số 648/KH-BCĐ ngày 28/02/2025
(Kèm theo Công văn số /SKHCN-BCVT&CĐS ngày /7/2025 của Sở Khoa học và Công nghệ)

STT	Nhiệm vụ	Kết quả thực hiện
A. Các nhiệm vụ liên quan thuộc Kế hoạch số 16/KH-UBND		
I	Công tác tham mưu, chỉ đạo, triển khai	
1	Nghiên cứu, đề xuất Chủ tịch UBND tỉnh hợp nhất Ban chỉ đạo Chuyển đổi số, Ban chỉ đạo cải cách hành chính, Tổ công tác Đề án 06 thành một Ban chỉ đạo duy nhất do đồng chí Chủ tịch UBND tỉnh làm Trưởng ban để thống nhất, tập trung trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo triển khai các nhiệm vụ	Đã phối hợp các đơn vị liên quan, tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định thành lập Ban Chỉ đạo của UBND tỉnh Quảng Ngãi về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 (<i>Quyết định số 505/QĐ-UBND ngày 02/4/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi; Quyết định số 190/QĐ-UBND ngày 01/04/2025 của UBND tỉnh Kon Tum về việc thành lập Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 tỉnh Kon Tum</i>)
2	Xây dựng Đề án chuyển đổi số	Đã tham mưu, trình UBND tỉnh phê duyệt Đề án chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi năm 2025 (<i>Tờ trình số 3169/TTr-STTTT ngày 31/12/2024</i>). Tuy nhiên, Chủ tịch UBND tỉnh đã có ý kiến: Hiện nay, tỉnh đang triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; sắp xếp tổ chức bộ máy các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh; do vậy, cần rà soát cập nhật, bổ sung các nội dung nêu trên để hoàn thiện Đề án cho phù hợp với yêu cầu và điều kiện thực tế của tỉnh (<i>tại Công văn số 132/VP-KGVX ngày 15/01/2025</i>)

STT	Nhiệm vụ	Kết quả thực hiện
		<i>Kế hoạch số 1570/KH-UBND ngày 08/05/2025 của UBND tỉnh Kon Tum về Triển khai thực hiện Nghị quyết 71/NQ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ và Chương trình số 95-CTr/TU ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị “về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia”.</i>
3	Tiếp tục tổ chức triển khai quán triệt Đề án 06 đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức và người lao động để nâng cao nhận thức và thực hiện đúng quy định	Sở thường xuyên triển khai quán triệt các nội dung liên quan Đề án 06 và Chỉ thị số 07/CT-TTg ngày 14/3/2024 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh triển khai Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 tại các bộ, ngành, địa phương năm 2025 và những năm tiếp theo đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức của Sở để nâng cao nhận thức và thực hiện đúng quy định.
II	Hoàn thiện chính sách, pháp luật về phát triển, cung cấp ứng dụng dịch vụ số có liên quan đến thông tin dân cư	
4	Căn cứ chức năng, nhiệm vụ tiến hành rà soát văn bản quy phạm pháp luật để đề xuất cấp có thẩm quyền thực hiện sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các văn bản pháp luật phục vụ kết nối, khai thác dữ liệu giữa Trung tâm dữ liệu quốc gia và các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành	Đã triển khai thực hiện việc rà soát văn bản quy phạm pháp luật và phối hợp các đơn vị liên quan để đề xuất cấp có thẩm quyền thực hiện sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới khi sắp xếp, tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp và sáp nhập tỉnh (<i>Sở KHCN tỉnh Quảng Ngãi đã triển khai các Công văn số: 1052/SKHCN-VP ngày 22/5/2025; 1187/SKHCN-VP ngày 02/6/2025; 1218/SKHCN-VP ngày 04/6/2025; Sở KHCN tỉnh Kon Tum các văn bản sau: 971/SKHCN-CNCĐS ngày 27/06/2025; số 958/SKHCN-CNCĐS ngày 25/06/2025; số 942/SKHCN-CNCĐS ngày 23/06/2025, số</i>

STT	Nhiệm vụ	Kết quả thực hiện
		878/SKHCN-CNCĐS ngày 11/06/2025,số 866/SKHCN-CNCĐS ngày 10/06/2025,....)
III	Phục vụ giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công	
5	Quản trị, vận hành Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh	- Tiếp tục duy trì Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh hoạt động ổn định việc kết nối, tích hợp với các Hệ thống thông tin do các bộ, ngành Trung ương triển khai; Hệ thống giám sát, đo lường mức độ cung cấp và sử dụng dịch vụ Chính phủ số (Hệ thống EMC); đồng bộ dữ liệu thủ tục hành chính theo Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ. - Duy trì Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh kết nối ổn định, thông suốt với Cổng dịch vụ công quốc gia và Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; đảm bảo người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến toàn trình được định danh và xác thực điện tử thông suốt. - Theo dõi, triển khai, phối hợp với VNPT Quảng Ngãi đăng tải, cập nhật, điều chỉnh giao diện các TTHC của các sở ngành liên quan lên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh. - Triển khai thực hiện việc nâng cấp Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh theo việc sắp xếp, tổ chức bộ máy chính quyền 2 cấp; tích hợp với Cổng Dịch vụ quốc gia thành Cổng DVC tập trung. Đến nay, tỉnh đã hoàn thành việc tích hợp, cung cấp dịch vụ công trực tuyến của tỉnh lên Cổng dịch vụ công quốc gia; đã thực hiện gắn định danh cá nhân trên hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính khi người dân thực hiện trên Cổng DVC và đang tiếp tục thực hiện các nội dung khác liên quan.

STT	Nhiệm vụ	Kết quả thực hiện
6	100% kết quả giải quyết thủ tục hành chính của cá nhân được lưu trữ điện tử	Đảm bảo 100% kết quả giải quyết thủ tục hành chính của cá nhân được lưu trữ điện tử
7	Tỷ lệ số hóa thành phần hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính tiếp nhận đạt tỷ lệ 90%	Tỷ lệ số hóa thành phần hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính tiếp nhận của Sở Khoa học và Công nghệ đảm bảo đạt tỷ lệ >90%
8	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa đạt tỷ lệ 60%	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa đảm bảo đạt tỷ lệ >60%
IV	Phục vụ phát triển kinh tế - xã hội	
9	Trong năm 2025, ngoài các mô hình đã triển khai trong năm 2024, đăng ký và tổ chức triển khai hiệu quả ít nhất 01 mô hình điểm theo Kế hoạch số 204/KH-UBND ngày 23/11/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về triển khai thực hiện các mô hình của Đề án 06 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi	Sở Khoa học và Công nghệ Sở đã được UBND tỉnh bố trí kinh phí và đang tiến hành triển khai quy trình thuê dịch vụ hệ thống thực hiện 04 mô hình được giao (<i>Mô hình 27: Phân tích tình hình dân cư; Mô hình 28: Phân tích tình hình lao động; Mô hình 29: Phân tích tình hình du lịch thông qua lưu trú; Mô hình 30: Phân tích tình hình trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn</i>)
V	Phục vụ công tác lãnh đạo, điều hành	
10	Thiết lập hệ thống có chức năng theo mô hình trung tâm điều hành thông minh, sử dụng công nghệ điện toán đám mây, kết nối, thu nhận dữ liệu từ một số cơ sở dữ liệu quốc gia, trọng tâm là cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, về tài chính để phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo của chính quyền các cấp trên địa bàn tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ Sở đã được UBND tỉnh bố trí kinh phí và đang tiến hành triển khai quy trình thuê dịch vụ hệ thống thực hiện 04 mô hình được giao (<i>Mô hình 27: Phân tích tình hình dân cư; Mô hình 28: Phân tích tình hình lao động; Mô hình 29: Phân tích tình hình du lịch thông qua lưu trú; Mô hình 30: Phân tích tình hình trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn</i>)

STT	Nhiệm vụ	Kết quả thực hiện
VI	Công tác đảm bảo an ninh, an toàn	
11	Rà soát, sắp xếp, bố trí nhân lực được đào tạo, có kinh nghiệm về Công nghệ thông tin, đặc biệt là An toàn thông tin thực hiện chuyên trách công tác bảo đảm an ninh, toàn thông tin tại cơ quan, đơn vị, địa phương	Thường xuyên rà soát, sắp xếp, bố trí nhân lực được đào tạo, có kinh nghiệm về Công nghệ thông tin, đặc biệt là An toàn thông tin thực hiện chuyên trách công tác bảo đảm an ninh, toàn thông tin tại cơ quan
12	Duy trì ổn định an toàn an ninh thông tin đối với Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh, đảm bảo kết nối thông suốt Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các hệ thống của bộ ngành đã triển khai. Thực hiện kết nối, tích hợp với các hệ thống do các bộ ngành triển khai trong thời gian đến, đảm bảo đúng lộ trình	Đảm bảo duy trì ổn định an toàn an ninh thông tin đối với Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh, đảm bảo kết nối thông suốt Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các hệ thống của bộ ngành đã triển khai. Thực hiện kết nối, tích hợp với các hệ thống do các bộ ngành triển khai, đảm bảo đúng lộ trình
VII	Triển khai công tác tuyên truyền, phổ biến các tiện ích, dịch vụ liên quan đến dân cư	
13	Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, kết quả thực hiện Đề án 06	- Thường xuyên cập nhật tin, bài, video clip về Chuyển đổi số và Đề án 06 trên chuyên trang Chuyển đổi số tỉnh tại địa chỉ <i>chuyendoiso.quangngai.gov.vn</i>, trên Trang Thông tin điện tử của Sở, Zalo Chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi - Tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án "Tuyên truyền, phổ biến, nâng cao chất lượng về cung cấp và sử dụng hiệu quả dịch vụ công trực tuyến năm 2025, định hướng đến năm 2030" trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (<i>Kế hoạch số 1004/KH-SKHCN ngày 21/5/2025</i>)

STT	Nhiệm vụ	Kết quả thực hiện
VIII	Nguồn lực triển khai	
14	Bố trí kinh phí để triển khai thực hiện các nhiệm vụ thuộc Đề án 06 và công tác chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh	Đã tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định phân khai kinh phí cho các cơ quan, đơn vị để thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số năm 2025 (đợt 1) (<i>Quyết định số 340/QĐ-UBND ngày 27/5/2025</i>)
B. Các nhiệm vụ liên quan thuộc Kế hoạch số 78/KH-UBND		
15	Tổ chức quán triệt Chỉ thị số 07/CT-TTg ngày 14/3/2024 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh triển khai Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 tại các bộ, ngành, địa phương năm 2025 và những năm tiếp theo	Sở thường xuyên triển khai quán triệt các nội dung liên quan Đề án 06 và Chỉ thị số 07/CT-TTg ngày 14/3/2024 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh triển khai Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 tại các bộ, ngành, địa phương năm 2025 và những năm tiếp theo đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức của Sở để nâng cao nhận thức và thực hiện đúng quy định
16	Xây dựng Kế hoạch triển khai trong năm 2025 theo hướng “ <i>rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ sản phẩm, rõ trách nhiệm</i> ”, gán nhiệm vụ của người đứng đầu đơn vị	Đã ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị số 07/CT-TTg ngày 14/3/2025 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh triển khai Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030 tại Sở Khoa học và Công nghệ năm 2025 và những năm tiếp theo (<i>Kế hoạch số 626/KH-SKHCN ngày 21/4/2025</i>)
17	Rà soát tổng thể các hạng mục công nghệ thông tin cần đầu tư để xác định vốn từ kinh phí thường xuyên để sử dụng ngay tại địa phương đảm bảo đầu tư hiệu quả, tiết kiệm,	Đã tổng hợp và tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định phân khai kinh phí cho các cơ quan, đơn vị để thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số năm 2025 (đợt 1) (<i>Quyết định số 340/QĐ-UBND ngày 27/5/2025</i>)

STT	Nhiệm vụ	Kết quả thực hiện
	tránh trùng lặp, lãng phí	
18	Điều chỉnh quy trình nghiệp vụ, cho phép sử dụng các giấy tờ điện tử tích hợp trên tài khoản định danh điện tử tương đương với giấy tờ khi thực hiện các thủ tục hành chính, không yêu cầu công dân phải xuất trình giấy tờ, phải sao y, công chứng	Đã phối hợp thực hiện điều chỉnh quy trình nghiệp vụ liên quan, cho phép sử dụng các giấy tờ điện tử tích hợp trên tài khoản định danh điện tử tương đương với giấy tờ khi thực hiện các thủ tục hành chính, không yêu cầu công dân phải xuất trình giấy tờ, phải sao y, công chứng
19	Nâng cấp, hoàn thiện hạ tầng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu tại văn bản số 1552/BTTTT-TTH và 708/BTTTT-CATTT; hoàn thành kết nối giữa Hệ thống thông tin giải quyết TTHC cấp bộ, cấp tỉnh với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư phục vụ giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công theo Nghị định số 107/2021/NĐ-CP của Chính phủ.	Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh đang đảm bảo an toàn thông tin, đáp ứng yêu cầu tại văn bản số 1552/BTTTT-TTH và 708/BTTTT-CATTT
20	Tất cả lãnh đạo, cán bộ, công chức các đơn vị phải xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng và sử dụng chữ ký số để giải quyết công việc	100% CBCCVC Sở đều xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng và sử dụng chữ ký số để giải quyết công việc
21	Đảm bảo 100% thủ tục hành chính liên quan đến doanh nghiệp được thực hiện trực tuyến, thông suốt, hiệu quả; 100% thủ tục hành chính không bị giới hạn bởi địa giới hành chính cấp tỉnh	Đảm bảo

STT	Nhiệm vụ	Kết quả thực hiện
22	Xây dựng, ban hành, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, công chức, viên chức kiến thức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, kỹ năng số, công nghệ số cơ bản phục vụ chuyển đổi số quốc gia	- Triển khai các văn bản của Bộ Khoa học và Công nghệ đến các cơ quan, đơn vị, địa phương: Quyết định số 757/QĐ-BKHCN ngày 29/4/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Khung kiến thức, kỹ năng số cơ bản và Hướng dẫn đánh giá, xác nhận hoàn thành mức độ phổ cập kỹ năng số (<i>Công văn số 959/SKHCN-BCVT&CNTT ngày 17/5/2025</i>); Quyết định số 757/QĐ- BKHCN ngày 29/4/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ phục vụ phong trào “Bình dân học vụ số” đến các đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh (<i>Công văn số 959/SKHCN-BCVT&CNTT ngày 15/5/2025</i>). - Tham mưu UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Kế hoạch phát động và tổ chức phong trào “Bình dân học vụ số” (<i>Kế hoạch số 125/KH-UBND ngày 02/6/2025</i>) - Đã tham mưu trình UBND tỉnh Kon Tum dự thảo Kế hoạch hành động “Phong trào bình dân học vụ số” tại văn bản số 860/SKHCN-CNCĐS ngày 09/06/2025.
23	Hoàn thiện việc sắp xếp lại các tổ chức khoa học, công nghệ; tập trung đầu tư trọng điểm để phát triển các tổ chức nghiên cứu mạnh. Có kế hoạch cụ thể để xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao, nhất là nhân tài khoa học, công nghệ.	Sở KHCN tỉnh Kon Tum đã hợp nhất 02 Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông thuộc Sở Thông tin và Truyền thông và Trung tâm Nghiên cứu, ứng dụng và dịch vụ Khoa học và Công nghệ thuộc Sở Khoa học và Công nghệ thành Trung tâm Khoa học – Công nghệ - Thông tin

STT	Nhiệm vụ	Kết quả thực hiện
24	Công bố danh mục các bài toán lớn về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của đất nước để các doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam tham gia giải quyết	Đã tham mưu UBND tỉnh văn bản Công bố các bài toán lớn về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của tỉnh Quảng Ngãi (<i>Công văn số 3204/UBND-KGVX ngày 29/5/2025</i>) Văn bản số 1940/UBND-KGVX ngày 30 tháng 05 năm 2025 của UBND tỉnh Kon Tum về công bố các bài toán lớn về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (<i>Văn bản số 824/SKHCN-QLKH ngày 04 tháng 06 năm 2025</i>)
25	Tổ chức đào tạo và bồi dưỡng, tập huấn, nâng cao kiến thức, kỹ năng số cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người dân, doanh nghiệp	Thường xuyên hướng dẫn, cập nhật các nội dung mới liên quan đến các HTTT dùng chung của tỉnh